

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 07/2020/DS-ST

Ngày: 13/3/2020

“Tranh chấp hợp đồng mua bán
và hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Ông Nguyễn Văn Sĩ.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Vào ngày 13/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 318/2019/TLST- DS ngày 10 tháng 12 năm 2019, về việc tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ủy quyền cho ông Phạm Chí D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khóm F, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1/ Ông Trịnh Phước T, sinh năm 1951;

2/ Bà Đỗ Thị C sinh năm 1950 (Vợ ông Tài).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

Đại diện nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2019; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 05/02/2020; ngày 20/02/2020 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Phạm Chí D trình bày: Vào năm 2015-2016, ông Trịnh Phước T có đến của hàng vật tư nông nghiệp của bà H để mua phân bón, thuốc trừ sâu về canh tác lúa, với thỏa thuận là khi thu hoạch xong mùa vụ sẽ thanh toán dứt điểm số tiền mua vật tư, đồng thời chịu lãi suất là 1,5%/tháng. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch

xong mùa vụ ông T không trả đủ số tiền mua vật tư nông nghiệp cho bà H mà mỗi mùa vụ thiếu lại một ít. Đến ngày 03/01/2017, giữa bà H với ông T có đối chiếu lại sổ sách thì bên ông T còn nợ lại số tiền mua vật tư nông nghiệp là 97.335.000đ và có làm biên nhận nợ số tiền trên. Cũng trong năm 2017, ông T có vay thêm của bà H số tiền là 80.000.000đ, để sử dụng trong gia đình với lãi suất là 1,5%/tháng, khi vay ông T hẹn khoảng 3 tháng sẽ trả lại số tiền trên, nhưng đến hôm nay ông T vẫn chưa trả.

Ngày 17/7/2019, ông T có viết cam kết là đến 17/11/2019 sẽ trả lại cho bà H số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 97.335.000đ và tiền vay gốc là 80.000.000đ. Tổng cộng là 177.335.000đ, nhưng cho đến nay ông T vẫn không chịu trả. Do ông T mua phân, thuốc sâu về canh tác lúa và vay tiền của bà H là để sử dụng chung trong gia đình.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông T và bà C phải trả lại cho bà H số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 97.335.000đ và số tiền vay gốc còn thiếu là 80.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 1,5%/tháng kể từ ngày ông T viết biên nhận nợ số tiền trên cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T và bà C theo quy định, nhưng ông T và bà C không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có mặt để tham gia hòa giải theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, ông D (đại diện cho bà H) yêu cầu ông T và bà C phải trả lại cho bà H số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 97.335.000đ và số tiền vay gốc còn thiếu là 80.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 1,5%/tháng kể từ ngày ông T viết biên nhận nợ số tiền trên, cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án trên.

[1] Xét yêu cầu của bà H là có căn cứ chấp nhận, bởi vì hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp và vay tiền giữa bà H với ông T là có thật, thực tế đã xảy ra và đã được các bên thừa nhận. Trong quá trình mua bán giữa 2 bên, ông T có viết biên nhận, thừa nhận còn nợ số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 97.335.000đ và số tiền vay gốc còn thiếu là 80.000.000đ. Mặc khác, tại bản cam kết ngày 17/7/2019 ông T cũng thừa nhận còn nợ số tiền trên và cam kết đến ngày 17/11/2019, sẽ thanh toán dứt điểm. Tuy các biên nhận nợ và tờ cam kết trả nợ chỉ có 1 mình ông T lập, nhưng việc ông T mua vật tư nông nghiệp và vay tiền của bà H là để sử dụng chung trong gia đình. Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T và bà C theo quy định, nhưng ông T và bà C không có ý kiến gì, đến ngày 10/01/2020, Tòa án tiếp tục tổng đạt thông báo số 01/TB-TA cho ông T và bà C, yêu cầu ông T và bà C có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đã hết thời hạn theo thông báo nhưng ông T và bà C cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

và cũng không có mặt để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định. Căn cứ vào các chứng cứ do bà H cung cấp, thể hiện vợ chồng ông T còn nợ bà H số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 97.335.000đ và số tiền vay gốc còn thiếu là 80.000.000đ. Do đó, buộc ông T và bà C có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền trên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu tính lãi của bà H là có căn cứ chấp nhận, bởi vì, tại bản cam kết ngày 17/7/2019, ông T có thừa nhận số tiền mua vật tư nông nghiệp và số tiền vay với lãi suất là 1,5%/tháng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Số tiền mua vật tư nông nghiệp được tính lãi như sau:

$97.335.000đ \times 1,5\%/tháng \times 38 \text{ tháng } 10 \text{ ngày}$ (từ ngày 03/01/2017 đến ngày 13/3/2020) = 55.966.000đ.

Số tiền vay được tính lãi như sau:

$80.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 34 \text{ tháng } 17 \text{ ngày}$ (từ ngày 25/4/2017 đến ngày 13/3/2020) = 41.480.000đ.

Như vậy, ông T và bà C phải trả lại cho bà H số tiền cụ thể như sau:

Tiền mua vật tư nông nghiệp gốc còn thiếu là 97.335.000đ và tiền lãi là 55.966.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là: 153.301.000đ.

Tiền vay gốc là 80.000.000đ và tiền lãi là 41.480.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 121.480.000đ.

[3] Do yêu cầu của bà H là có căn cứ chấp nhận nên ông T và bà C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông T và bà C thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên miễn toàn bộ tiền án phí cho ông T và bà C là đúng theo quy định.

[4] Tại phiên tòa, ông T và bà C vắng mặt lần thứ 2, xét thấy ông T và bà C đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà C là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 288; 430; 440; 463; 466 và 468 Bộ luật Dân sự, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim H đối với ông Trịnh Phước T và bà Đỗ Thị C.

2/ Buộc ông Trịnh Phước T và bà Đỗ Thị C có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Phạm Thị Kim H số tiền mua vật tư nông nghiệp gốc còn thiếu là 97.335.000đ và tiền lãi là 55.966.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là: 153.301.000đ (Một trăm năm mươi ba triệu ba trăm lẻ một nghìn đồng) và số tiền vay gốc là

80.000.000đ và tiền lãi là 41.480.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 121.480.000đ (Một trăm hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Ông Trịnh Phước T và bà Đỗ Thị C tiếp tục chịu lãi của số tiền mua vật tư nông nghiệp gốc và số tiền vay gốc kể từ ngày 14/3/2020, theo mức lãi suất là 1,5%/tháng cho đến khi thi hành xong số nợ gốc nêu trên.

3/ Về án phí:

Ông Trịnh Phước T và bà Đỗ Thị C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định (người cao tuổi).

Bà Phạm Thị Kim H được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.433.000đ (Bốn triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005727, ngày 10/12/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ